

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16/9/2022

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bô Quốc Khánh;

2. Ông Đoàn Văn Lước.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Bùi Xuân Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 86/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Tô Hoàng U, sinh năm 1983; địa chỉ thường trú: Ấp N, xã C, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Tạm trú: Ấp T, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Phan Thị B, sinh năm 1984; địa chỉ thường trú: Ấp N, xã C, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Tạm trú: Ấp T, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/5/2022 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Tô Hoàng U- có đơn xin vắng mặt, trình bày:

Ông Tô Hoàng U và bà Phan Thị B tự nguyện tìm hiểu, quen biết nhau và tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Đ, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 51, quyển số 01 ngày 12/6/2006.

Sau khi cưới nhau, vợ chồng sống hạnh phúc, vài năm gần đây, khi lên xã Đ, huyện B làm công nhân mới phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm

sống, thường xuyên có lời qua, tiếng lại, bà B không tôn trọng ông U nhiều lần xúc phạm ông nên tình cảm không còn, ông U làm đơn khởi kiện xin ly hôn với bà B.

Về con chung và mức cấp dưỡng nuôi con: Trong thời kỳ hôn nhân, ông U và bà B có 02 con trai chung tên Tô Nhựt K, sinh ngày 04/01/2005 và Tô Quốc K, sinh ngày 10/9/2008.

Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, ông U để bà Phan Thị B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung tên Tô Nhựt K, sinh ngày 04/01/2005 và Tô Quốc K, sinh ngày 10/9/2008. Ông Tô Hoàng U có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung hàng tháng, mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/cháu. Thực hiện từ khi án có hiệu lực đến khi con đủ 18 tuổi nhưng theo ý kiến của con Tô Quốc K muốn sống với cha để học nghề sửa xe gắn máy. Ông U nhờ Tòa án xem xét xin được nuôi con chung Tô Quốc K.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng đã tự thỏa thuận. Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Phan Thị B- có đơn xin vắng mặt, trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, bà thống nhất với lời khai của ông Tô Hoàng U về thời gian kết hôn và những diễn biến cuộc sống lúc ban đầu.

Về mâu thuẫn vợ chồng, do ông U muốn ly hôn với bà chứ thật sự vợ chồng không có mâu thuẫn gì mặc dù cuộc sống làm công nhân có nhiều khó khăn nhưng vẫn hạnh phúc nên bà không đồng ý ly hôn. Việc ông U cho rằng bà không tôn trọng, xúc phạm ông là không đúng.

Về con chung và mức cấp dưỡng nuôi con: Trong thời kỳ hôn nhân, ông U và bà B có 02 con trai chung tên Tô Nhựt K, sinh ngày 04/01/2005 và Tô Quốc K, sinh ngày 10/9/2008.

Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, ông U để bà Phan Thị B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung tên Tô Nhựt K, sinh ngày 04/01/2005 và Tô Quốc K, sinh ngày 10/9/2008. Ông Tô Hoàng U có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung hàng tháng, mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/ cháu. Thực hiện từ khi án có hiệu lực đến khi con đủ 18 tuổi. Bà B đồng ý.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật. Vụ án được xét xử trong thời hạn luật định. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin giải quyết vắng mặt là phù hợp với pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn và nuôi con của nguyên đơn, xem xét ý kiến của bị đơn, con chung. Viện kiểm sát không kiến nghị khắc phục gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Phan Thị B hiện có nơi cư trú tại ấp T, xã Đ, thuộc huyện B nên Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của nguyên đơn ông Tô Hoàng U và bị đơn bà Phan Thị B có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị B với ông Tô Hoàng U sống chung có đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và một hoặc cả hai người đều có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về mâu thuẫn vợ chồng: Theo ông U khai, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trong thời gian chung sống nguyên nhân do kinh tế, vợ chồng lời qua tiếng lại nhiều lần, bất đồng về quan điểm sống, bà B không tôn trọng chồng, căng thẳng kéo dài. Do mâu thuẫn ngày càng gay gắt, trầm trọng nên ông U đã bỏ đi sống riêng. Ông U yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà B để được tự do làm ăn, sinh sống, nuôi con.

Bà B có lời khai vợ chồng không có mâu thuẫn gì nên không muốn ly hôn.

[5] Qua thẩm tra các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án và theo biên bản xác minh đối với UBND xã Đ, HĐXX xét thấy: Quan hệ hôn nhân phải bắt đầu từ sự tự nguyện của vợ chồng, ông U cho rằng mâu thuẫn trầm trọng nên mới ly hôn, bà B không đồng ý ly hôn nhưng bà không có giải pháp nào để đoàn tụ, vợ chồng đã ly thân hiện không còn sống chung. Như vậy, về tình cảm vợ chồng đã thật sự không còn tồn tại. Xét về mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tô Hoàng U về việc xin ly hôn với bà Phan Thị B là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về con chung và mức cấp dưỡng nuôi con:

Vợ chồng có hai con chung, sau khi ly hôn xét điều kiện của bà Phan Thị B và ý kiến của các con, HĐXX quyết định cho bà B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên Tô Nhựt K, sinh ngày 04/01/2005. Ông Tô Hoàng U có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Thực hiện từ khi án có hiệu lực đến khi con đủ 18 tuổi. Đối với ý kiến của con chung là Tô Quốc K muốn sống với cha để học nghề sửa xe máy, xét thấy đây là nguyện vọng chính đáng của cháu Tô Quốc K nên HĐXX chấp nhận và giao cháu Tô Quốc K cho ông U nuôi dưỡng là phù hợp với pháp luật.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[8] Lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ nên chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm: Ông Tô Hoàng U phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 1 Điều 59, Điều 71; khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Tô Hoàng U đối với bà Phan Thị B

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Tô Hoàng U được ly hôn với bà Phan Thị B.
2. Về con chung và mức cấp dưỡng nuôi con: Giao cho bà Phan Thị B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Tô Nhựt K, sinh ngày 04/01/2005. Ông Tô Hoàng U có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Tô Nhựt K hàng tháng, mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/cháu. Thực hiện từ khi án có hiệu lực đến khi con đủ 18 tuổi.

Giao cho ông Tô Hoàng U được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Tô Quốc K, sinh ngày 10/9/2008. Bà B không phải cấp dưỡng.

Ông Tô Hoàng U và bà Phan Thị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở. Trường hợp các bên lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bà Phan Thị B và ông Tô Hoàng U có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của của nhau. Vì quyền và lợi ích về mọi mặt của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi một hoặc cả hai đương sự có yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Tô Hoàng U phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ hết vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0010039 ngày 13/7/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bắc Tân

Uyên. Ông Tô Hoàng U còn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- CCTHADS huyện Bắc Tân Uyên;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu: HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Hùng

THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Văn Lược Bồ Quốc Khánh

Nguyễn Mạnh Hùng

